|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **XÃ** ................... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC -UBND |  *................, ngày ..... tháng ..... năm ….....* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới đến năm** ...............

*(Báo cáo tóm tắt)*

 **I. Đặc điểm tình hình chung**

 ***1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội..... của xã***

 - Vị trí địa lý, diện tích tự nhiên, đất đai, dân số, tôn giáo, dân tộc...

 - Tình hình kinh tế - xã hội của xã: giá trị sản xuất, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tốc độ tăng trưởng hàng năm … Tổng số thôn, xóm, bản, số chi bộ, đảng viên…

 - Truyền thống lịch sử, văn hóa….

 ***2. Khái quát thực trạng khi bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình:***

 - Thực trạng về cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, đời sống, thu nhập…

 - Tình hình an ninh trật tự, chính trị xã hội…

 - Đánh giá những tiêu chí đạt, những tiêu chí chưa đạt…

 **II. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới**

 ***1. Công tác chỉ đạo, điều hành:***

 - Ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khi thực hiện các văn bản của cấp trên…

 - Thành lập, kiện toàn BCĐ, bộ máy giúp việc các cấp…

 - Phân công, tổ chức thực hiện…..

 …………………………………………………………………………………………...…….………..

 ***2. Công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn***

 a) Công tác tuyên truyền: số hội nghị xã, thôn đã tổ chức, số lượt người tham gia, số tài liệu đã cấp phát; số buổi phát thanh, số lượng ấn phẩm đã phát hành…

 b) Công tác đào tạo, tập huấn: số lượt cán bộ xã, thôn đã tham gia các lớp tập huấn, đào tạo, nội dung được đào tạo…

 ***3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới***

Tổng kinh phí đã thực hiện: ........ triệu đồng, bao gồm:

4.1. Vốn ngân sách nhà nước: ....... triệu đồng, chiếm ......%;

 - Ngân sách trực tiếp: ......... triệu đồng

 Trong đó: + Ngân sách xã:....... triệu đồng

 - Ngân sách lồng ghép:…..… triệu đồng

4.2. Vốn vay tín dụng: ....... triệu đồng, chiếm ......%; (nguồn vay từ Ngân hàng Nông nghiệp: NH chính sách XH; Quĩ tín dụng)

 Trong đó: + Vốn tín dụng ưu đãi: .... triệu đồng (nguồn vay từ NH Chính sách XH)

4.3. Vốn doanh nghiệp: ....... triệu đồng, chiếm ......%;

 - Doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn:…… triệu đồng

 - Doanh nghiệp ủng hộ, hỗ trợ:…… triệu đồng

4.4. Vốn dân tham gia xây dựng: ....... triệu đồng, chiếm ......%.

 - Dân đóng góp bằng tiền, công LĐ, hiện vật: …… triệu đồng

 Trong đó: + Dân đóng góp bằng tiền: …… Triệu đồng

 + Dân đóng góp công LĐ: …… công

 + Dân đóng góp bằng đất: …… Ha

 - Vốn dân tự bỏ đầu tư, xây dựng:…….. Triệu đồng

4.5. Vốn do các tổ chức, cá nhân khác hỗ trợ, tài trợ:... triệu đồng, chiếm...% (các tổ chức phi chính phủ, tổ chức xã hội, con em xa quê….)

***5. Kết quả chung***

- Đến.... xã đã đạt .../20 tiêu chí...

- Các tiêu chí chưa đạt (đối với xã chưa đạt chuẩn)

 **III. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới**

 ***1. Quy hoạch và thực hiện qui hoạch***

 - Phê duyệt, công bố qui hoạch, ban hành qui chế và thực hiện qui hoạch...

 ***2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội***

- Khối lượng thực hiện (Đối với những tiêu chí định lượng được, ghi cụ thể VD như: số tuyến, số km đường, km kênh mương, số nhà văn hóa, số phòng học .... đã làm, có số liệu so sánh với thời điểm khi bắt đầu triển khai thực hiện chương trình. Những tiêu chí không định lượng được, ghi rõ nội dung, kết quả đã thực hiện trong kỳ):

 ***3. Công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo và giải quyết việc làm***

 a) Công tác phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản: các giải pháp phát triển sản xuất, một số kết quả: năng xuất, sản lượng 1 số sản phẩm chủ yếu, số lượng doanh nghiệp, trang trại, gia trại, một số mô hình điển hình, hiệu quả của các mô hình

 b) Công tác phát triển ngành nghề phi nông lâm nghiệp thủy sản (Công nghiệp, xây dựng, vận tải, thương mại, dịch vụ…): các giải pháp khuyến khích phát triển ngành nghề phi nông lâm thủy sản, sản lượng 1 số sản phẩm chủ yếu, số lượng doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề phi nông lâm thủy sản trên địa bàn…

 c) Tổ chức sản xuất:

 khuyến khích đẩy mạnh việc hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại; tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tăng cường liên doanh, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm để người dân yên tâm sản xuất….

 d) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người dân.

 - Các giải pháp nâng cao thu nhập, giảm nghèo, giải quyết việc làm:…

 - Kết quả đạt được: …

**4. Giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường và an toàn thực phẩm:**

- Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, hướng nghiệp, nâng cao chất lượng dạy và học….

- Chất lượng khám và chữa bệnh cho nhân dân, truyền thông, phòng dịch, Bảo hiểm y tế ...

- Thực hiện tốt thiết chế văn hóa cơ sở, gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu dân cư văn hóa, xã văn hóa….

- Thực hiện các qui định về vệ sinh, môi trường, an toàn thực phẩm cảu các cơ sở sản xuất, kinh doanh…

- Vận động, tuyên truyền để người dân chủ động, tự giác thường xuyên giữ gìn, tôn tạo cảnh quan môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp…..

**5. Hệ thống chính trị, quốc phòng, an ninh**

**-** Xây dựng hệ thống chính trị: …

- Nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật của người dân, xây dựng nông thôn mới dân chủ, văn minh…

- Công tác bình đẳng giới, chống bạo lực gia đình, quan tâm đến người già và trẻ em……

**IV. Đánh giá chung**

***1. Những mặt đã làm được:***

- Đánh giá những ưu điểm nổi bật, những tập thể cá nhân điển hình trong phong trào xây dựng nông thôn mới ...

- Những công việc tiếp tục cần thực hiện sau khi được công nhận:...

…………………………………………………………………………………………………….

***2. Những khó khăn, tồn tại cần khắc phục:***

- Những khó khăn, tồn tại: …

- Các giải pháp khắc phục: ….

***3. Bài học kinh nghiệm:***

 - Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

 - Về công tác tuyên truyền, vận động nhân dân:

 - Về huy động nguồn lực:

 - Về xây dựng các mô hình điển hình, tiên tiến:...

***4. Đề xuất, kiến nghị:***

 - Đề xuất, kiến nghị với Trung ương:

 - Đề xuất kiến nghị với, tỉnh, huyện (TX):

**VI. KẾ HOẠCH THỜI GIAN TỚI**

**1. Mục tiêu:**

- Nâng cao chất lượng các tiêu chí gồm….

- Phấn đấu đến năm 20… hoàn thành xã đạt chuẩn nông thôn mới (hoặc xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu - đối với xã đã đạt chuẩn).

**2. Hoàn thành các tiêu chí chưa đạt *(hoặc nâng cao chất lượng các tiêu chí -đối với xã đã đạt chuẩn).***

 *3.1. Công tác quy hoạch, thực hiện quy hoạch,xây dựng đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020*.

 Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch xã xây dựng nông thôn mới,

 *3.2. Về xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.*

- Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn…,

- Thực hiện tốt việc quản lý, khai thác, sử dụng các công trình có hiệu quả chống lãng phí…

- Đảm bảo việc duy tu, bảo dưỡng, nâng cao công năng sử dụng, chống xuống cấp…

*3.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân.*

- Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững… sản xuất hàng hóa tập trung, công nghệ cao và đảm bảo an toàn thực phẩm….

- Phát triển ngành nghề, dịch vụ …, mở rộng thị trường lao động tạo việc làm nâng cao thu nhập cho nhân dân….

- Tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất,

*3.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường.*

*3.5. Về xây dựng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật..*

- Hoàn thiện hệ thống chính trị: xây dựng chính quyền liêm chính phục vụ lợi ích của nhân dân…

- Nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật của người dân, xây dựng nông thôn mới dân chủ, văn minh…

- Quan tâm công tác bình đẳng giới, chống bạo lực gia đình, quan tâm đến người già và trẻ em……

*3.7. Xây dựng hệ thống quốc phòng toàn dân và ổn định an ninh trật tự xã hội.*

*…….*

*3.8. Công tác huy động các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới.*

- Dự kiến huy động nguồn lực …

- Kế hoạch và lộ trình xử lý nợ xây dựng cơ bản trong nông thôn mới (nếu có)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- …………...;- ...................;- ....................;- Lưu: VT, ........... | **CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu)* |

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

**Xã ……………….., huyện ……………., tỉnh ……………***(Kèm theo Báo cáo số:     /BC-UBND ngày     /      /20……. của UBND xã ……….)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tiêu chí** | **Nội dung tiêu chí** | **ĐVT** | **Tiêu chuẩn đạt chuẩn** | **Kết quả thực hiện** | **Kết quả tự đánh giá của xã** |
| **I. QUY HOẠCH** |   |   |   |   |
| 1 | **Quy hoạch** | 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn |   | Đạt |   |   |
| 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch |   | Đạt |   |   |
| **II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI** |   |   |   |   |
| 2 | **Giao thông** | 2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm |   | Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh |   |   |
| 2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm |   |   |   |
| 2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa |   |   |   |
| 2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm |   |   |   |
| 3 | **Thủy lợi** | 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên |   | Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh |   |   |
| 3.2. Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ |   | Đạt |   |   |
| 4 | **Điện** | 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn |   | Đạt |   |   |
| 4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn | % | ≥99% |   |   |
| 5 | **Trường học** | Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia | % | 100% |   |   |
| 6 | **Cơ sở vật chất văn hóa** | 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã |   | Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh |   |   |
| 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định |   |   |   |
| 6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng | % | 100% |   |   |
| 7 | **Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn** | Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa |   | Đạt |   |   |
| 8 | **Thông tin và Truyền thông** | 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính |   | Đạt |   |   |
| 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet |   | Đạt |   |   |
| 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn |   |  Đạt |   |   |
| 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành |   |  Đạt |   |   |
| 9 | **Nhà ở dân cư** | 9.1. Nhà tạm, dột nát |   | Không |   |   |
| 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định | % | ≥90% |   |   |
| **III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT** |
| 10 | **Thu nhập** | Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 *(triệu đồng/người)* | Triệu đồng | Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh  |   |   |
| 11 | **Hộ nghèo** | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 | % | Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh |   |   |
| 12 | **Lao động có việc làm** | Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động | % | ≥90% |   |   |
| 13 | **Tổ chức sản xuất** | 13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 |   | Đạt |   |   |
| 13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững |   | Đạt |   |   |
| **IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG** |
| 4 | **Giáo dục** | 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở |   | Đạt |   |   |
| 14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) | % | ≥90% |   |   |
| 14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo | % | ≥45% |   |   |
| 15 | **Y tế** | 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế | % | ≥85% |   |   |
| 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế |   | Đạt |   |   |
| 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) | % | ≤13,9% |   |   |
| 16 | **Văn hóa** | Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định | % | ≥70% |   |   |
| 17 | **Môi trường và an toàn thực phẩm** | 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định | % | ≥98%(≥65% nước sạch) |   |   |
| 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường | % | 100% |   |   |
| 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn |   | Đạt |   |   |
| 17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch |   | Đạt |   |   |
| 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định |   | Đạt |   |   |
| 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch | % | ≥90% |   |   |
| 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường | % | ≥80% |   |   |
| 17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | % | 100% |   |   |
| **V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ** |
| 18 | **Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp Luật** | 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn |   | Đạt |   |   |
| 18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định |   | Đạt |   |   |
| 18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" |   | Đạt |   |   |
| 18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên | % | 100% |   |   |
| 18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định |   | Đạt |   |   |
| 18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội |   | Đạt |   |   |
| 19 | **Quốc phòng và An ninh** | 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng |   | Đạt |   |   |
| 19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước |   | Đạt |   |   |
| 20 | **Ý kiến đánh giá về sự hài lòng của người dân** | Sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (tỷ lệ số hộ hài lòng trên số hộ lấy ý kiến) | % | ≥90% |  |  |